TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 246/2025/QĐST-HNGĐ	*Đà Nẵng, ngày 09 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ khoản 4 Điều 397, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 85/2025/QH15;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 377/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2025 của người yêu cầu:

- Ông Nguyễn Quốc H, sinh năm 1990
- Bà Nguyễn Thị Viết T, sinh năm 1991

Cùng địa chỉ: K đường H, phường A, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Nguyễn Quốc H và bà Nguyễn Thị Viết T kết hôn với nhau vào năm 2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam (cũ), nay là Ủy ban nhân dân xã P, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 38/2016, đăng ký ngày 01/7/2016. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng ông Nguyễn Quốc H và bà Nguyễn Thị Viết T chung sống tại địa chỉ: K đường H, phường A, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống đến năm 2025 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung.

Tại phiên hòa giải, ông Nguyễn Quốc H và bà Nguyễn Thị Viết T đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể khắc phục, không thể tiếp tục chung sống với nhau, vợ chồng không còn tình cảm nên yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn. Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Nguyễn Quốc H và bà Nguyễn Thị Viết T là hoàn toàn tự nguyện, do đó cần căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13 công nhận sự thoả thuận thuận tình ly hôn của ông Nguyễn Quốc H và bà Nguyễn Thị Viết T.

[2] *Về con chung:* Ông Nguyễn Quốc H và bà Nguyễn Thị Viết T xác nhận vợ chồng có 01 con chung và thống nhất thỏa thuận nuôi con như sau: Giao con chung tên Nguyễn Minh T1, sinh ngày 23/3/2018 cho bà Nguyễn Thị Viết T trực tiếp nuôi dưỡng và ông Nguyễn Quốc H phải cấp dưỡng nuôi con chung 3.500.000 đồng/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 01/2026 và vào ngày 05 hàng tháng.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Viết T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Quốc H không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như đã thoả thuận thì ông Nguyễn Quốc H phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13.

Ông H và bà T tự nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng sau ly hôn nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13 chấp nhận thỏa thuận nuôi con chung của ông bà.

[3] *Về quan hệ tài sản chung:* Ông Nguyễn Quốc H và bà Nguyễn Thị Viết T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về nợ chung:* Ông Nguyễn Quốc H và bà Nguyễn Thị Viết T xác định không có.

[5] *Lệ phí yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình* là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) ông Nguyễn Quốc H và bà Nguyễn Thị Viết T mỗi người phải chịu 150.000 đồng *(một trăm năm mươi ngàn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* đã nộp tại biên lai thu số 0006143 ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Ông Nguyễn Quốc H và bà Nguyễn Thị Viết T đã nộp đủ lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5] Việc thuận tình ly hôn của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành lập ngày 01 tháng 12 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Nguyễn Quốc H và bà Nguyễn Thị Viết T thống nhất thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 38/2016, đăng ký ngày 01/7/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam (cũ), nay là Ủy ban nhân dân xã P, thành phố Đà Nẵng).

[2] *Về con chung:* Ông Nguyễn Quốc H và bà Nguyễn Thị Viết T xác nhận vợ chồng có 01 con chung và thống nhất thỏa thuận nuôi con như sau: Giao con chung tên Nguyễn Minh T1, sinh ngày 23/3/2018 cho bà Nguyễn Thị Viết T trực tiếp nuôi dưỡng và ông Nguyễn Quốc H phải cấp dưỡng nuôi con chung 3.500.000 đồng/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 01/2026 và vào ngày 05 hàng tháng.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Viết T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Quốc H không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như đã thoả thuận thì ông Nguyễn Quốc H phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, bên trực tiếp nuôi con không được

quyền ngăn cản. Khi cần thiết có quyền yêu cầu Toà án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về quan hệ tài sản chung:* Ông Nguyễn Quốc H và bà Nguyễn Thị Viết T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Ông Nguyễn Quốc H và bà Nguyễn Thị Viết T xác định không có.

2. Lệ phí yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) ông Nguyễn Quốc H và bà Nguyễn Thị Viết T mỗi người phải chịu 150.000 đồng *(một trăm năm mươi ngàn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* đã nộp tại biên lai thu số 0006143 ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Ông Nguyễn Quốc H và bà Nguyễn Thị Viết T đã nộp đủ lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự số 26/2008/QH12, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2014/QH13 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự số 26/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2014/QH13; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự số 26/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2014/QH13.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 3 – Đà Nẵng;
- UBND xã Phú Thuận, TP. Đà Nẵng;
- THADS TP. Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ việc HNGĐ.

THẨM PHÁN

Ngô Thị Kiều Trang